

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chuyển nguồn kinh phí năm 2023 sang năm 2024
để tiếp tục theo dõi thực hiện

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2646/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch vốn đầu tư ngân sách nhà nước năm 2024;

Theo Công văn số 15391/BTC-KBNN ngày 11/12/2018 của Bộ Tài chính và đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 358/TTr-STC ngày 07/8/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển nguồn kinh phí năm 2023 sang năm 2024, với tổng số tiền: 62.209.806.857 đồng (Sáu mươi hai tỷ, hai trăm lẻ chín triệu, tám trăm lẻ sáu ngàn, tám trăm năm mươi bảy đồng), để tiếp tục quản lý, sử dụng theo quy định, gồm:

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

Điều 2. Sở Tài chính chịu trách nhiệm phối hợp với Kho bạc Nhà nước tỉnh lập thủ tục chuyển nguồn và tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc: Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT TU, HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: LĐT&XH, NN&PTNT,

Nội vụ;

- Ban Dân tộc;
- Các PVP;
- Lưu VT, TH, KTN, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Nam Hưng

Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh Quảng Nam)

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung/Đơn vị	Số tiền	Sự nghiệp		Đầu tư	
			Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023
	Tổng số	62.209.806.857	18.485.177.161	43.105.913.196	613.732.500	4.984.000
I	Nguồn TW bổ sung thực hiện 03 CTMTQG	59.971.114.565	18.485.177.161	40.867.220.904	613.732.500	4.984.000
1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	3.192.745.100	2.575.955.600		613.732.500	3.057.000
2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	12.069.344.904	3.085.773.000	8.983.571.904		
3	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	44.709.024.561	12.823.448.561	31.883.649.000		1.927.000
II	Nguồn cải cách tiền lương	2.238.692.292		2.238.692.292		